

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH công nghệ Hakken ngày 11 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 44/TTr-STNMT ngày 23 tháng 01 năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH công nghệ Hakken, địa chỉ tại lô D1, phân khu phía Tây, Khu công nghiệp Phú Thái, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Công ty TNHH công nghệ Hakken tại lô D1, phân khu phía Tây, Khu công nghiệp Phú Thái, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH công nghệ Hakken.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D1, phân khu phía Tây, Khu công nghiệp Phú Thái, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801029593 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 16/8/2017; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1007254580 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 30/01/2013, chứng nhận thay đổi

lần thứ bốn ngày 08/9/2017.

1.4. Mã số thuế: 0801029593.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, lắp ráp, sản xuất và bán linh kiện loa và các phụ kiện liên quan; sản xuất kinh doanh phần cứng, thiết bị và máy của loa.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 2.390 m<sup>2</sup>.

- Công suất thiết kế: Chế biến, lắp ráp, sản xuất và bán linh kiện loa và các phụ kiện liên quan: 72.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất kinh doanh phần cứng, thiết bị và máy của loa: 200 sản phẩm/năm.

- Công suất theo dây chuyền máy móc đã lắp đặt: Chế biến, lắp ráp, sản xuất và bán linh kiện loa và các phụ kiện liên quan: 72.000.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH công nghệ Hakken**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH công nghệ Hakken có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất

thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: kể từ ngày ký, đến hết ngày 30/01/2033.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH công nghệ Hakken;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Kim Thành;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## **Phụ lục I**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 192/GPMT-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Thái, không thải trực tiếp ra ngoài môi trường).

- Công ty TNHH công nghệ Hakken có trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Thái theo quy định của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài.

### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

#### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống PVC D110, dài 15 m, độ dốc 0,1% qua 01 hố ga (kích thước 1m × 1m × 1m) tự chảy ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Thái qua 01 điểm đầu nối.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Thông số kỹ thuật: 01 bể tự hoại tại khu vệ sinh chung thể tích 15 m<sup>3</sup>.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

#### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phú Thái.

3.2. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Phú Thái nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Công ty TNHH quốc tế Nam Tài để có biện pháp xử lý.

3.3. Công ty TNHH công nghệ Hakken chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Công ty TNHH quốc tế Nam Tài.

## Phụ lục II

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 192/GPMT-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình ngâm tẩm.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình đập, xử lý nhiệt.
- Nguồn số 03: Hơi dung môi từ quá trình pha hóa chất.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

###### 2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ngâm tẩm, pha hóa chất (nguồn số 01, 03); tọa độ vị trí điểm xả khí thải: X(m) = 2319430; Y(m) = 606671.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đập, xử lý nhiệt (nguồn số 02); tọa độ vị trí điểm xả khí thải: X(m) = 2319436; Y(m) = 606685.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000 m<sup>3</sup>/h. Trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả thải gián đoạn 8/24 giờ (theo giờ làm việc).

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Metanol	mg/Nm <sup>3</sup>	260		
3	Phenol	mg/Nm <sup>3</sup>	19		
4	Fomaldehyt	mg/Nm <sup>3</sup>	20		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Hơi dung môi phát sinh từ quá trình ngâm tẩm (nguồn số 01), hơi dung môi phát sinh từ quá trình pha hóa chất (nguồn số 03) được quạt hút qua các chụp hút vào đường ống dẫn khí về thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, sau đó thoát ra môi trường qua ống thải.

- Khí thải phát sinh từ quá trình đập, xử lý nhiệt (nguồn số 02) được quạt hút qua các miệng hút vào đường ống dẫn khí về thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, sau đó thoát ra môi trường qua ống thải.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

##### 1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ngâm tẩm, pha hóa chất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi từ quá trình ngâm tẩm, pha hoá chất → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 4.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Chụp hút tại khu vực ngâm tẩm (01 cái, kích thước 2m × 2m; 01 cái kích thước 1,8m × 2,1m); chụp hút tại khu vực pha hoá chất (01 cái, kích thước 0,6m × 0,6m); ống dẫn khí khu vực ngâm tẩm (ống thép mạ kẽm, sơn chống gỉ, kích thước D300, dài 22 m); ống dẫn khí khu vực pha hoá chất (ống thép mạ kẽm, kích thước D114, dài 15 m); tháp hấp phụ (01 cái, kích thước thân tháp 1,1m × 1,1m × 1,5m, vật liệu thép CT3 dày 3 mm, sơn chống gỉ); quạt hút (01 cái, lưu lượng 3.700 - 4.000 m<sup>3</sup>/h, công suất 2,2 kW); ống thải (01 cái, kích thước D400, dài 4 m, vật liệu bằng thép có sơn chống gỉ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (tần suất thay than hoạt tính 03 tháng/lần, khối lượng thay 21,78 kg/lần thay).

##### 1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đập, xử lý nhiệt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ quá trình đập, xử lý nhiệt → Miệng hút → Đường ống dẫn khí nhánh → Đường ống dẫn khí chính → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thải ra ngoài môi trường.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 16.000 m<sup>3</sup>/h.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Miệng hút (80 cái, kích thước D90) và các ống dẫn khí nhánh gắn với miệng hút (80 cái, ống nhựa sun, kích thước D90, dài khoảng 2m/cái); ống dẫn khí chính (ống thép mạ kẽm, sơn chống gỉ, kích thước D600, dài 30 m và D300, dài 140 m); tháp hấp phụ (01 cái, kích thước thân tháp 1m × 1m × 1,5m, vật liệu thép CT3 dày 3 mm, sơn chống gỉ);

quạt hút (01 cái, lưu lượng 13.000 - 16.000 m<sup>3</sup>/h, công suất 11 kW); ống thải (01 cái, kích thước D250, dài 4 m, vật liệu bằng thép có sơn chống gỉ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (tần suất thay than hoạt tính 03 tháng/lần, khối lượng thay 18 kg/lần thay).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải ra môi trường và dừng hoạt động sản xuất phát sinh bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng (kể từ ngày 20/02/2025 đến ngày 20/8/2025).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ngâm tẩm, quá trình pha hoá chất lưu lượng 4.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đập, xử lý nhiệt lưu lượng 16.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm tại ống thải của 02 hệ thống xử lý khí thải tương ứng.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2. phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải.



### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Công ty TNHH công nghệ Hakken chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục III

## ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 192/GPMT-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực đập.
- Nguồn số 02: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 03: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình ngâm tẩm, pha hóa chất.
- Nguồn số 04: Khu vực của hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đập, xử lý nhiệt.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2319528; Y(m) = 606691.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2319426; Y(m) = 606421.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2319430; Y(m) = 606671.
- Tọa độ nguồn số 04: X(m) = 2319436; Y(m) = 606685.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu 3<sup>0</sup>)

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục IV

### YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 192/GPMT-UBND  
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	270	17 02 03	NH
2	Đường biên vải, giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	33.000	18 02 01	KS
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	6.368	18 01 02	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	19	18 01 03	KS
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	30	18 01 01	KS
6	Hỗn hợp nhựa phenol, chất làm cứng, sáp, metanol... thải	Lỏng	50	10 02 04	KS
7	Cặn lọc từ quá trình rửa khuôn bằng dung dịch NaOH	Rắn	25	-	-
8	Dung dịch chất nhuộm vải có thành phần nguy hại (chất nhuộm đỏ)	Rắn/Lỏng	500	10 02 02	KS
9	Phoi từ quá trình sửa chữa khuôn dập loa	Rắn	100	07 03 11	KS
10	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	50	16 01 06	NH

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
11	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12 19 06 05	NH
12	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (tắc te, bóng đèn led...)	Rắn	20	16 01 13	NH
13	Than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	160	12 01 04	NH
14	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ quá trình rửa khuôn)	Lỏng	4.000	19 10 01	KS
	<b>Tổng</b>		<b>44.602</b>		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Giấy thải, bìa các tông rách hỏng	Rắn	1.500	18 01 05	TT-R
2	Nilon, dây đai đóng kiện	Rắn	500	11 02 04	TT-R
3	Bao bì nhựa	Rắn	300	18 01 06	TT-R
4	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	500	18 02 02	TT
5	Bùn thải từ bể phốt	Bùn	2.000	12 06 13	TT
	<b>Tổng</b>		<b>4.800</b>		

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 9 tấn/năm.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Nước thải từ quá trình rửa khuôn được tuần hoàn tái sử dụng. Định kỳ 03 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút trực tiếp tại bể chứa (kích thước 1,5m × 1m × 1,5m), vận chuyển mang đi xử lý.

- Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích 100 - 220 lít để thu gom các chất thải.

#### *2.1.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 35 m<sup>2</sup> (nằm trong kho chứa chất thải chung).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông chống thấm, có bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

#### *2.2.1. Thiết bị lưu chứa*

Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích từ 50 - 220 lít để thu gom các chất thải.

#### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 15 m<sup>2</sup> (nằm trong kho chứa chất thải chung).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, có cửa ra vào kiểm soát, nền bê tông.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 10-120 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục V**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 192/GPMT-UBND  
ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.